

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1573/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Diệu Huệ.

Ông Lê Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 232/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1991;

Địa chỉ: đường B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng N trình bày: bà và ông Nguyễn Ngọc C quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã T, huyện Th, tỉnh Thái Bình (nay là xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình) theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 ngày 17/5/2016. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên hay cự cãi nhau. Tính đến nay bà và ông C đã sống ly thân với nhau được hơn 09 năm. Sau nhiều lần cố gắng hòa giải với nhau nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung, đến nay tình cảm không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông C.

Bà N và ông C có 01 (một) con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/02/2017. Hiện tại cháu M đang sống cùng với ông C. Vì vậy, bà N yêu cầu giao cháu M cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định hôn nhân của bà N và ông C là hợp pháp. Ông C không có thiện chí tham gia giải quyết tranh chấp, không tham gia hoạt động tố tụng. Nhận thấy bà N có nguyện vọng ly hôn, đồng thời ông C cũng không có thiện chí hòa giải, có dấu hiệu xác định hôn nhân của bà N không hạnh phúc. Do đó, căn cứ vào các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: bà N trình bày cháu M đang chung sống với ông C nên bà N muốn giao con chung cho ông C nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông C không có ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Do đó, việc ông C đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M là có điều kiện để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho sự phát triển của cháu. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu giao con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng của bà N là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến. Từ những nhận định trên,

đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Bùi Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc C cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: căn cứ trích lục kết hôn số 084/KH-BS ngày 04/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình, xác định bà Bùi Thị Hồng N và ông Nguyễn Ngọc C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Thái Bình (nay là xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình) theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền số 01 ngày 17/5/2016. Do đó, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Hồng N và ông Nguyễn Ngọc C là hợp pháp.

Bà N xác định không còn tình cảm với ông C, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên hay cự cãi nhau, cả hai đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà N và ông C đã sống ly thân với nhau được hơn 09 năm.

Ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không đến Tòa để tham gia các buổi hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của bà N và ông C đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông C phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: bà N xác nhận bà và ông C có 01 (một) con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/02/2017. Hiện tại cháu M đang sống cùng với ông C. Bà N có ý kiến giao cháu M cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông C không có yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu M hiện đang sống cùng ông C, do đó để ổn định chỗ ở, môi trường sinh sống, tránh xáo trộn về tâm sinh lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu Nguyễn Nhật M cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng; bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ dân sự khác: bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí: bà Bùi Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 69, 71, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Hồng N.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Thái Bình (nay là xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình) cấp ngày 17 tháng 5 năm 2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/02/2017 cho ông Nguyễn Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Bùi Thị Hồng N không phải cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp không bảo đảm

quyền lợi về mọi mặt của con thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ dân sự khác: bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị Hồng N phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0033686 ngày 24/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm